TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 367/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v: Tranh chấp L hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "L hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Văn Th, sinh năm 1992 (có đơn xét xử vắng).
Địa chỉ: Ấp NN, xã NT, huyện GR, tỉnh KG
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp TL, xã TL, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023 nguyên đơn anh Hồ Văn Th trình bày: Anh Hồ Văn Th và chị Nguyễn Thị L, tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Th và chị L không được hạnh phúc thường xuyên cự cải. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không phù hợp tính nết với nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống L thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh Th xét thấy không thể tiếp tục chung

sống vợ chồng với chị L, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được L hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh Th xác định có một người con chung Hồ Quốc Kh, sinh ngày 09/5/2013, hiện đang sống cùng với chị L. Nay anh Th giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị L không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị L đến tham dự phiên dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông qua thủ tục niêm yết nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hồ Văn Th được L hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung anh Th xác định có một người con chung tên Hồ Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2013, hiện đang sống cùng chị L và anh Kh giao con cho chị L nuôi dưỡng. Nên đề nghị giao tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L vắng mặt không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Nguyễn Thị L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp TL, xã TL, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hồ Văn Th và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân, dẫn đến L hôn anh Th cho rằng giữa anh và chị L thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên đã L thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị L, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được L hôn. Đối với chị Nguyễn Thị L Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị L không có mặt và không có ý kiến phản hồi về việc L hôn của anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng anh Th không còn tình cảm vợ chồng với chị L và cả hai đã sống L thân. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị L xác định hiện tại anh Th và chị L đã không còn sống chung với nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu L hôn của anh Th được L hôn với chị L.

[2.2]. Về con chung: Anh Th xác định anh và chị L có với có một người con tên Hồ Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2023 và hiện tại cháu Kh đang sống cùng với chị L nên anh Th giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật hôn nhân và đình vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi L hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng chị L đều vắng mặt không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì. Xét thấy theo ý kiến của anh Th con đang sống cùng với chị L nên nhằm giữ sự

ổn định và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con, nghị nên tiếp tục giao cháu Kh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo ý kiến của anh Th. Về cấp dưỡng nuôi con do chị L vắng mặt không yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phi L hôn là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí anh Th đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th được L hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Quốc Kh, sinh ngày 19/5/213 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị L vắng mặt không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Hồ Văn Th phải chịu án phí L hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005680 ngày 05tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Hồ Văn Th, chị Nguyễn Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giòng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên